

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/DS - ST
Ngày: 18 - 10 - 2024
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG - TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Trọng Ích

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Vui

Ông Lê Đức Chạc

- **Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà:**
Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-TCDS ngày 04 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST – TCDS ngày 30 tháng 8 năm 2024, quyết định hoãn phiên toà số 34/2024/QĐST-TCDS ngày 20 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ A, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Người đại diện theo uỷ quyền là ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn T, xã N (nay là xã Đ), huyện N, tỉnh Nam Định

Bị đơn:

- Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1964. Địa chỉ: Đ, xã N, (nay là xã Đ), huyện N tỉnh Nam Định.

- Anh Bùi Duy Đ1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Đ, xã N, (nay là xã Đ), huyện N tỉnh Nam Định.

- Anh Bùi Bằng D, sinh năm 1995. Địa chỉ: Đ, xã N (nay là xã Đ), huyện N tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn K, sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ A, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Người đại diện theo uỷ quyền của ông K là ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn T, xã N (nay là xã Đ), huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1946. Địa chỉ: Thôn H, xã N (nay là xã Đ), huyện N tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt: ông Đ, anh D, vắng mặt bà T, ông K, ông Q, anh Đ1 và bà X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị T, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Hoàng Văn Đ trình bày: Trên cơ sở là anh em nên vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Hoàng Thị T có cho ông Bùi Văn Q, bà Phạm Thị L cùng hai con là anh Bùi Duy Đ1 và anh Bùi Bằng D vay số tiền là 160.000.000 đồng để làm ăn và 5.000.000 đồng tiền chuộc xe máy, tổng cộng là 165.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận lãi suất là 0,8%/tháng. Đồng thời hai bên thoả thuận với nhau hàng tháng ông Q và bà L và hai con phải trả cả gốc và lãi là 5.000.000 đồng. Hai bên có lập giấy vay nợ với nhau. Quá trình vay từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 07 năm 2022, ông Q và bà L đã thực hiện theo thoả thuận trả được số tiền 5.000.000 đồng trong vòng 06 tháng, tổng cộng số tiền là 30.000.000 đồng. Tháng 7 năm 2022, Bà Phạm Thị L không may bị tai nạn qua đời. Sau đó ông Q trả được thêm hai lần với số tiền là 16.000.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 46.000.000đ. Do số tiền cho vay là tiền vợ chồng bà đi vay ngân hàng để cho vợ chồng em gái chồng vay vì vậy bà T và chồng đã nhiều lần xuống hỏi nhưng ông Q và các con là anh Bùi Duy Đ1 và anh Bùi Bằng D hứa thu xếp trả nhưng không trả vì vậy bà T và ông K làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D phải trả số tiền là nợ là 158.160.000 đồng (một trăm năm mươi tám triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà T xác định tổng số tiền mà ông Q, bà L cùng hai con là anh Bùi Duy Đ1 và anh Bùi Bằng D vay là 165.000.000 đồng đã trả là 46.000.000đ số tiền này vợ chồng bà đều thống nhất trừ vào nợ gốc. Nay bà yêu cầu toà án buộc ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D phải trả số tiền là nợ gốc là 119.000.000 đồng (một trăm mười chín triệu đồng). Đối với nợ lãi thống nhất tính lãi là 0,8%/tháng trên số nợ gốc 165.000.000 đồng ($165.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\% = 1.320.000 \text{ đồng/tháng}$), tiền lãi tính từ tháng 07 năm 2022 đến thời điểm xét xử tháng 10 năm 2024 (28 tháng) là $1.320.000 \text{ đồng} \times 28 = 36.960.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi là 155.960.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn ông Bùi Văn Q, anh Bùi Bằng D và anh Bùi Duy Đ1 trình bày: Gia đình có vay có vay của vợ chồng hai bác ông K, bà T số tiền gốc 165.000.000 đồng. Việc vay nợ này mục đích là để làm ăn kinh tế trong gia đình, hai bên có viết giấy vay nợ với nội dung số tiền vay, lãi và phương thức thanh toán. Quá trình vay từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 07 năm 2022 gia đình đã thực hiện theo thỏa thuận mỗi tháng trả số tiền cả gốc và lãi 5.000.000 đồng khi mới thực hiện được 06 tháng, tổng cộng số tiền là 30.000.000 đồng, không may bà L bị tai nạn mất ba bố con đã thu xếp trả thêm được hai lần số tiền là 16.000.000 đồng, tổng số tiền đã trả là 46.000.000đ. Nay vợ ông Q là bà L đã mất, các con là anh Đ1 anh D làm ăn kinh tế khó khăn nên không thu xếp trả được nợ. Nay hai bác T, K có đơn yêu cầu Toà án buộc các bị đơn ông Q, anh Đ1 và anh D phải trả số tiền còn nợ mọi người cũng đồng ý nhất trí chỉ đề nghị hai bác cho thời gian trả dần.

Tại phiên toà ông ông Q và anh Đ1 vắng mặt anh Bùi Bằng D trình bày nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số nợ gốc còn lại là 119.000.000 đồng (một trăm mười chín triệu đồng) và nhất trí tính số tiền nợ lãi là 0,8%/tháng trên số nợ gốc 165.000.000 đồng ($165.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\% = 1.320.000 \text{ đồng/tháng}$), tiền lãi tính từ tháng 07 năm 2022 đến thời điểm xét xử tháng 10 năm 2024 (28 tháng) là $1.320.000 \text{ đồng} \times 28 = 36.960.000 \text{ đồng}$, tổng cộng là 155.960.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Bản thân anh đã gọi điện thông báo cho bố và anh trai là anh Đ1 về yêu cầu của hai bác T, Q yêu cầu ba bố con trả nợ cả gốc và lãi là 155.960.000 đ và mọi người không có ý kiến gì chỉ nói với anh đề nghị hai bác cho bố con thu xếp trả nợ dần.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn K thể hiện; ông là anh trai của bà L và ông nhất trí với trình bày, quan điểm giải quyết vụ án của bà T, ông không bổ sung thêm gì.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị X thể hiện; Bà là mẹ đẻ ông K, và bà L, việc vay nợ giữa gia đình hai con như thế nào bà không được chứng kiến, chỉ khi chị L chết bà mới biết, đây là việc riêng của mọi người bà chỉ mong muốn đây là việc vay mượn trong gia đình vì vậy mong muốn toà án hoà giải cho các bên.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương đều sự thống nhất việc vay nợ này mẹ ông K, bà L là bà Hoàng Thị X không được biết và không liên quan gì.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đến khi xét xử tại phiên toà. Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề

ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T: Buộc ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị T số tiền đã vay là tổng cộng là 155.960.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Về án phí: Buộc ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được miễn giảm một phần do điều kiện kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D đăng kí hộ khẩu thường trú và cư trú tại: xã N (nay là xã Đ), huyện N, tỉnh Nam Định. Nay bà Hoàng Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp vay tài sản đối với ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Tại phiên toà vắng mặt bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị X, ông Phạm Văn K, ông Bùi Văn Q và anh Bùi Duy Đ1. Bà T, ông K uỷ quyền cho ông Đ và ông Đ có mặt tại phiên toà, bà X có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ cũng như lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay xác định; Gia đình vợ chồng ông Bùi Văn Q, bà Phạm Thị L cùng hai con là anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D có vay tiền của vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Hoàng Thị T số tiền là 165.000.000 đồng. Việc vay nợ này mục đích là để làm ăn kinh tế trong gia đình, hai bên có viết giấy vay nợ với nội dung số tiền vay 165.000.000 đồng, lãi suất là 0.8%/tháng và phương thức thanh toán thỏa thuận mỗi tháng trả số tiền cả gốc và lãi 5.000.000 đồng. Sau khi ký giấy vay bên cho vay đã giao tiền, bên vay đã nhận tiền và thực hiện theo hợp đồng được sáu tháng. Như vậy có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Hai

bên xác lập giao dịch dân sự từ năm 2022 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Các bên đương sự đều thống nhất trên cơ sở là anh em nên vợ chồng ông Phạm Văn K, bà Hoàng Thị T có cho vợ chồng ông Bùi Văn Q, bà Phạm Thị L cùng hai con là anh Bùi Duy Đ1 và anh Bùi Bằng D vay số tiền là 160.000.000 đồng để làm ăn và 5.000.000 đồng tiền chuộc xe máy, tổng cộng là 165.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận lãi suất là 0,8%/tháng. Đồng thời hai bên thoả thuận với nhau hàng tháng ông Q và bà L và hai con phải trả cả gốc và lãi là 5.000.000 đồng. Quá trình vay từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 07 năm 2022, vợ chồng ông Q bà L đã thực hiện theo thoả thuận trả số tiền 5.000.000 đồng/tháng và đã trả được 06 tháng, tổng cộng số tiền là 30.000.000 đồng. Tháng 7 năm 2022, Bà Phạm Thị L không may bị tai nạn qua đời. Sau đó ông Q trả được thêm hai lần tổng số tiền là 16.000.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 46.000.000đ. Tổng nợ gốc còn lại là 119.000.000 đồng (một trăm mười chín triệu đồng). Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D trả nợ số tiền vay cụ thể nợ gốc là 119.000.000 đồng (một trăm mười chín triệu đồng), lãi thống nhất tính lãi là 0,8%/tháng trên số nợ gốc 165.000.000 đồng ($165.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\% = 1.320.000 \text{ đồng/tháng}$), tiền lãi tính từ tháng 07 năm 2022 đến thời điểm xét xử tháng 10 năm 2024 (28 tháng) là $1.320.000 \text{ đồng} \times 28 = 36.960.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi là 155.960.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng), ông K nhất trí với yêu cầu của bà T. Bị đơn ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D cũng nhất trí số nợ gốc và lãi mà bà T yêu cầu nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn không có khả năng trả nợ ngay lên ông Q, anh Đ1, anh D xin trả nợ dần cho ông K, bà T. Phía ông K, bà T không nhất trí với phương án trả nợ của ông Q, anh Đ1, anh D và yêu cầu phải thanh toán toàn bộ số tiền đã vay. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét yêu cầu khởi kiện của bà T và yêu cầu của ông K thấy là có căn cứ theo quy định Điều 470 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với lãi suất của khoản vay: Các đương sự thống nhất lãi suất của khoản vay là 0.8%/tháng kể từ tháng 08/2022 đến thời điểm xét xử tháng 10/2024 là 28 tháng, tiền lãi tính trên số nợ gốc 165.000.000 đồng ($165.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\% = 1.320.000 \text{ đồng/tháng}$), tiền lãi là $1.320.000 \text{ đồng} \times 28 = 36.960.000 \text{ đồng}$. Thấy việc thống nhất về mức lãi và thời gian tính lãi là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Các đương sự đều thống nhất việc vay nợ này mẹ đẻ của bà L và là mẹ vợ của ông Bùi Văn Q, bà ngoại của anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D là bà Hoàng Thị X không được biết và không liên quan nên Hội đồng xét xử xác định bà Hoàng Thị X không phải cùng trách nhiệm trả nợ với ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D phải nộp án phí là 7.798.000 đồng. Tuy nhiên do ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D điều kiện kinh tế khó khăn được chính quyền xác nhận nên được giảm một phần. Ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D còn phải nộp án phí là 5.000.000 đồng.

[7] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T: Buộc ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D phải trả cho bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn K số tiền nợ gốc là 119.000.000 đồng và tiền lãi là: 36.960.000 đồng. Tổng cộng là 155.960.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Hoàng Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Bùi Văn Q, anh Bùi Duy Đ1, anh Bùi Bằng D phải nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001343 ngày 04 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của ông K và bị đơn anh D. Vắng mặt bị đơn ông Q, anh Đ1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà X. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt theo quy định tại điều 173 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án Tỉnh.
- VKS huyện.
- THA huyện.
- UBND xã Đồng Thịnh.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Trọng Ích